

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HSST

Ngày 25 - 3 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn K

Ông Nguyễn Ngọc Ch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 31/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ VIỆT T**, sinh ngày 22/09/1982 tại thành phố V, tỉnh P; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 41, khu Tiên Sơn, phường T, thành phố V, tỉnh P; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Thành C và bà Trần Thị L; Có vợ là Lù Thị L (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 58/HSST ngày 27/06/2003 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Yên, tỉnh V xử phạt Lê Việt T 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Tài sản chiếm đoạt trị giá: 20.900.000 đồng), thời hạn tù tính từ ngày 20/04/2003, bồi thường thiệt hại 500.000 đồng và phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự, 50.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/07/2004, chấp hành xong án phí ngày 29/9/2008. (Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HSST ngày 29/03/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P nhận định Bản án này là nhân thân).

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2005/HSST ngày 26/04/2005 của Tòa án nhân dân thành phố V, P xử phạt Lê Việt T 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (Tài sản chiếm đoạt trị giá: 550.000 đồng) thời hạn tù tính từ ngày 12/02/2005 và phải chịu án phí

50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. T chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 12/02/2006 và chấp hành xong án phí ngày 29/09/2008.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số: 184/2007/HSST ngày 26/9/2007 của Tòa án nhân dân thành phố V, P xử phạt Lê Việt T 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (Tài sản chiếm đoạt trị giá: 560.000 đồng), thời hạn tù tính từ ngày 15/07/2007 và phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/7/2009, chấp hành xong án phí ngày 22/7/2008.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số: 218/2015/HSST ngày 25/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố V, P xử phạt Lê Việt T 18 tháng tù giam về tội “Chống người thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2015 và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2017, chấp hành xong án phí vào ngày 10/3/2016.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2019/HSST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, P xử phạt Lê Việt T 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Khối lượng: 0,145 gam ma túy Heroine), thời hạn tù tính từ 29/08/2019 và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/09/2021 và chấp hành xong án phí vào ngày 03/09/2020.

+ Quyết định số 4328/QĐ-UB ngày 21/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh P đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với Lê Việt T về hành vi “Ngược đãi hoặc hành hạ cha mẹ”, thời hạn 24 tháng kể từ ngày 23/12/2010. T chấp hành xong ngày 23/12/2012.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHC ngày 23/09/2014 của Công an phường T, thành phố V, tỉnh P xử phạt Lê Việt T về hành vi “Đánh nhau” mức phạt 750.000 đồng; T nộp phạt xong ngày 05/09/2014.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC ngày 13/08/2015 của Công an phường Minh Phương, thành phố V, tỉnh P xử phạt Lê Việt T về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” mức phạt 750.000 đồng. T nộp phạt xong ngày 13/08/2015.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/12/2023. Do bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu và có biểu hiện tụ tập với một số đối tượng nghiện trong và ngoài địa bàn gây mất an ninh trật tự, nếu để bị cáo tại ngoại chính quyền địa phương không quản lý được nên ngày 20/12/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh tạm giam đối với Lê Việt T. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 14 giờ 30 phút ngày 15/12/2023, tại khu vực gần cổng Công ty CMC thuộc Tổ 10B, phố Sông Thao, phường T, thành phố V, tỉnh P, tổ công tác Công an thành phố V, tỉnh P phát hiện và kiểm tra một người đàn ông có biểu hiện vi phạm pháp luật. Người này tự khai họ tên là Lê Việt T. Quá trình kiểm tra, T tự giác lấy từ tay phải ra giao nộp 01 (một) gói giấy có đặc điểm mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu vàng bên trong có chứa chất bột cục màu trắng và khai nhận đây là ma túy Heroine của T mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người

phạm tội quả tang đối với Lê Việt T và niêm phong thu giữ gói ma túy. Ngoài ra, còn tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ số IMEI: 353161110825570 kèm sim số 0357355178; Tiền Việt Nam: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra kết quả xét nghiệm ma túy bằng que thử nước tiểu đối với T, kết quả dương tính với chất ma túy.

Ngày 15/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số chất bột, cục màu trắng thu giữ của Lê Việt T. Tại Kết luận giám định số 1587/KL-KTHS, ngày 19/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P kết luận:

Chất bột, cục màu trắng chứa bên trong 01 gói giấy gửi đến giám định là ma túy; có khối lượng là 0,129 gam; loại Heroine (Heroin), có tên khoa học là Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục ma túy và tiền chất.

Hoàn trả lại 0,094 gam chất bột cục màu trắng là mẫu vật còn lại sau khi giám định, cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong dán kín trong 01 túi niêm phong.

Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, Lê Việt T khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 15/12/2023, T đi nhờ xe của một người qua đường (T không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu) đến khu vực gần cổng Công ty CMC thuộc phường T, thành phố V, tỉnh P để tìm mua ma túy. Tại đây T gặp một người đàn ông tên là Tuấn, khoảng 40 tuổi (T không biết địa chỉ ở đâu). T hỏi và mua được của Tuấn một gói ma túy heroine có đặc điểm mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu vàng với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Sau đó, T cầm gói ma túy vừa mua được ở tay phải và đi về. Khi vừa đi được một đoạn thì T bị tổ công tác Công an thành phố V, tỉnh P phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, T còn khai nhận: Ngày 13/12/2023, T đến khu vực gần cầu Văn Lang thuộc huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội để tìm mua ma túy. Tại đây, T gặp và mua của một người đàn ông (T không biết tên, tuổi, địa chỉ) được 01 gói ma túy Heroine. Số ma túy này, T đã sử dụng hết cho bản thân. Ngày 17/01/2024, Công an thành phố V, tỉnh P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt: Cảnh cáo.

Đối với hai người đàn ông bán ma túy cho T ngày 13/12/2023 và ngày 15/12/2023, ngoài lời khai của T không có tài liệu nào khác để chứng minh, do đó Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác định người bán ma túy cho T và nguồn gốc số ma túy của T.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo: Do bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy nên đã mua ma túy về tàng trữ để sử dụng cho bản thân.

Về vật chứng, tài sản thu giữ, quá trình điều tra xác định:

- 01 bì niêm phong số 1587/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P hoàn trả sau khi giám định, bên trong có chứa 0,094 gam chất bột cục màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định là của T mục đích để sử dụng cho bản thân.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ số IMEI: 353161110825570 kèm sim số: 0357355178 là điện thoại của T sử dụng để liên lạc hàng ngày.

- Tiền Việt Nam: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là tiền do T lao động mà có.

Về điều kiện kinh tế: Quá trình điều tra xác định, ngoài những đồ vật sinh hoạt hàng ngày, bị cáo không còn tài sản nào khác có giá trị.

Tại Cáo trạng số: 29/CT-VKS-VT ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P đã truy tố bị cáo Lê Việt T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Việt T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Việt T từ 30 (*Ba mươi*) tháng tù đến 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15/12/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ số IMEI: 353161110825570 và số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) của bị cáo T.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,094 gam chất bột cục màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định trong bì niêm phong số: 1587/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P hoàn trả và 01 sim điện thoại số: 0357355178.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Lê Việt T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố V, tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Việt T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 15/12/2023, tại khu vực gần cổng Công ty CMC thuộc Tổ 10B, phố

Sông Thao, phường T, thành phố V, tỉnh P, Lê Việt T có hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 0,129 gam ma túy Heroine mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Tổ công tác Công an thành phố V, tỉnh P bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Vì vậy, có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Lê Việt T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[2.2]. Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy mà còn thể hiện sự coi thường bất chấp pháp luật, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội và bị pháp luật cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo phạm tội có tính chất nghiêm trọng và là người có nhân thân xấu. Vì vậy, khi xem xét quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình để sửa chữa, cải tạo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, Cơ quan điều tra xác định ngoài tài sản bị cơ quan công an thu giữ là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ số IMEI: 353161110825570 và số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) thì bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị, do các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[4]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,094 gam chất bột cục màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định trong bì niêm phong số: 1587/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P hoàn trả là vật Nhà nước cấm lưu hành và 01 sim điện thoại số: 0357355178 do không còn giá trị sử dụng.

[5]. Các vấn đề khác:

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T ngày 13/12/2023, Cơ quan Công an thành phố V, tỉnh P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức “Cảnh cáo” là phù hợp.

- Đối với hai người đàn ông bán ma túy cho T ngày 13/12/2023 và ngày 15/12/2023, ngoài lời khai của T không có tài liệu nào khác để chứng minh, do đó Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác định người bán ma túy cho T và nguồn gốc số ma túy của T là phù hợp.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt cũng như những nội dung khác là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Việt T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

3. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Việt T 30 (*Ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 15/12/2023.

4. Về hình phạt bổ sung: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ số IMEI: 353161110825570. (*Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/3/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P*).

- Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). (*Theo Biên lai thu tiền số 0004541 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P*).

5. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,094 gam chất bột cục màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định trong bì niêm phong số: 1587/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P hoàn trả và 01 sim điện thoại số: 0357355178. (*Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/3/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P*).

6. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Việt T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. V, T. P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQCA TP. V, T. P;
- THAHS, DS TP. V, T. P;
- Trại tạm giam Công an tỉnh P;
- UBND P. T, TP. V, T. P;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

Đào Thị H